

Số: 1085/TTr-ĐLDK

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Căn cứ: -

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PV Power theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành như tài liệu kèm theo.

Tài liệu kèm theo: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PV Power.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TCT;
- TGD TCT;
- BKS TCT;
- Các PTGD TCT;
- Ban KSNB;
- Ban PC;
- Lưu: VT, HĐQT, KTKH.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Vũ Quốc Hải

QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày...tháng...năm..., Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau :

Chương I

QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát. Các đơn vị, cá nhân của Tổng công ty có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát trên cơ sở tuân thủ qui định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các qui định của pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích các thuật ngữ viết tắt

Đại hội đồng cổ đông : Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (viết tắt là **DHĐCĐ**).

Điều lệ Tổng công ty : Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần.

Ban kiểm soát : Ban kiểm soát Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần (viết tắt là **BKS**).

- Kiểm soát viên : Thành viên Ban kiểm soát (viết tắt là **KSV**).
- Tổng công ty : Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần (viết tắt là **TCT**).
- Đơn vị trực thuộc : Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty (chi nhánh, Trung tâm, văn phòng đại diện, Ban quản lý dự án...).
- Công ty con : Các doanh nghiệp hạch toán độc lập mà Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần có : sở hữu ít nhất 50% trở lên vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông; hoặc được quyền đưa ra quyết định đối với việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty; hoặc có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty.
- Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị Tổng công ty (viết tắt là **HĐQT**).
- Tổng giám đốc : Tổng giám đốc Tổng công ty (viết tắt là **TGD**).
- Tập đoàn : Công ty mẹ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Luật Doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KSV)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của KSV

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Mỗi KSV chủ động lập kế hoạch hoạt động hàng năm của mình và cập nhật vào kế hoạch hoạt động chung của BKS trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua. Chủ động đề xuất và lập kế hoạch chi tiết cho từng tháng, quý để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình theo lĩnh vực được phân công. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty. Việc kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát không được làm cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của TCT.
3. Phối hợp, hỗ trợ các KSV khác trong khi thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát. Định kỳ hàng quý, hoặc kết thúc đợt kiểm tra giám sát, từng KSV phải lập Báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công gửi BKS để tổng hợp báo cáo theo quy định.
4. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì KSV phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà KSV có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

7. Trường hợp phát hiện có KSV khác vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. BKS TCT có 05 thành viên (KSV), nhiệm kỳ của KSV không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. KSV không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. BKS phải có hơn một nửa số KSV thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp KSV có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà KSV nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì KSV đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi KSV nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây :

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác;

4. Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty, (trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác);

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

8. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, KSV của công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty, công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc

chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).

2. Trường Ban kiểm soát do BKS bầu một trong số các KSV. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trường Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách tại TCT.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty) có quyền đề cử người vào BKS. Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào BKS thực hiện như sau :

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

b. Căn cứ số lượng thành viên BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu KSV theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm KSV trong trường hợp sau đây :

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm KSV theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm KSV trong trường hợp sau đây :

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của KSV theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm KSV. Thông tin liên quan đến ứng cử viên BKS được công bố bao gồm :

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác;
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại điều lệ công ty;

g. Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên BKS (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS phù hợp với các qui định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của TCT, hoặc theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt.

2. BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. Giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT thông qua việc thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của : Báo cáo tình hình kinh doanh; Báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Tổng công ty.

6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGD vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ, cán bộ quản lý, chuyên viên của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

12. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

13. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

14. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.

15. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong một số trường hợp quy định tại Luật doanh nghiệp.

17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

18. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

19. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

20. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác trong các hoạt động.

21. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, TGD và cổ đông. Tham dự các cuộc họp, giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết, các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức nghề nghiệp... do Tổng công ty tổ chức.

22. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

24. Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến các KSV cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm :

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- c. Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. KSV có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, TGD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của KSV hoặc BKS.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. BKS có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây :

- a. Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS nhưng HĐQT không thực hiện, (trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác).
2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. BKS phải họp định kỳ hàng quý ít nhất một (01) lần trong một quý.
2. BKS họp bất thường theo đề nghị của :
 - Trưởng BKS hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) KSV.
 - Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên HĐQT;
 - Tổng giám đốc TCT.
3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Sau 2 (hai) lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp BKS, các KSV phải tiến hành họp BKS để xử lý công việc, đồng thời đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu một Kiểm soát viên đáp ứng tiêu chí qui định tại Quy chế này làm Trưởng ban.
4. Trưởng BKS thông báo chương trình họp tới các KSV. Các cuộc họp của BKS họp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số KSV tham dự, do Trưởng BKS chủ trì.
5. Biểu quyết của Ban kiểm soát :
 - Các ý kiến của Ban kiểm soát được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong cuộc họp của Ban kiểm soát theo nguyên tắc biểu quyết đa số. Mỗi KSV phải nêu ra chính kiến của mình về nội dung được biểu quyết và có quyền bảo lưu ý kiến trong Biên bản họp BKS và Báo cáo của BKS trước khi gửi tới ĐHĐCĐ, HĐQT, TGD TCT.
 - Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp BKS sẽ có quyền biểu quyết tại cuộc họp của BKS và có giá trị ngang nhau. Nếu KSV không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản quyền biểu quyết cho một KSV khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết theo qui định) thực hiện biểu quyết và phải chịu trách nhiệm với biểu quyết của người được ủy quyền.
 - KSV có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty) với vấn đề/vụ việc được đưa ra biểu quyết sẽ không được tham gia biểu quyết đối với vấn đề/vụ việc đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của KSV khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - Quyết định của BKS được thông qua nếu có trên 50% số KSV có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận (Biểu quyết đa số). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng BKS hoặc KSV được

Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt), ngoại trừ trường hợp mà Trưởng BKS/người được ủy quyền của Trưởng BKS chủ trì cuộc họp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo qui định tại Điều này.

- Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

6. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các KSV tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng KSV.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây :

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, TGD để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và các KSV.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng KSV.

4. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của KSV được thực hiện theo quy định sau đây :

1. KSV được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của BKS.

2. KSV được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí phục vụ hoạt động của BKS theo quy chế nội bộ của Tổng công ty.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. KSV của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm :

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. KSV và những người có liên quan của các KSV chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. KSV có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty mẹ nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với KSV hoặc với những người có liên quan của KSV theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. KSV và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các KSV có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng BKS là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các KSV.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT Tổng công ty. HĐQT chịu sự giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. HĐQT bảo đảm rằng BKS được tham dự các cuộc họp định kỳ hay bất thường của HĐQT, các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT. Trước các phiên họp, Chủ tịch HĐQT (hoặc người triệu tập), Thư ký HĐQT phải gửi thông báo mời họp và đảm bảo rằng các tài liệu kèm bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp phải được gửi đến các KSV cùng thời điểm như đối với các thành viên HĐQT.

2. HĐQT chịu trách nhiệm cung cấp thông tin cho BKS : các giao dịch giữa Công ty Mẹ, Công ty con, Công ty khác do TCT nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD và những người có liên quan của các thành viên đó; giao dịch giữa TCT với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch để BKS đánh giá và báo cáo theo quy định.

3. Ngay sau khi kế hoạch hoạt động hàng năm của BKS được ĐHĐCĐ thông qua, BKS sẽ tổ chức triển khai thực hiện đúng kế hoạch và thông báo tới HĐQT trước khi thực hiện để HĐQT biết và phối hợp trong quá trình kiểm soát. Việc thông báo tới HĐQT phải được thực hiện trước ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trừ những nội dung kiểm soát mang tính cấp bách có thể gây thiệt hại ngay cho quyền lợi của cổ đông hoặc theo yêu cầu của ĐHĐCĐ. Trên cơ sở đó HĐQT phối hợp với BKS nếu cần thiết, kiểm soát và chỉ đạo các đối tượng được kiểm soát phối hợp và tạo điều kiện để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

4. HĐQT có thể yêu cầu BKS thực hiện các cuộc kiểm soát đột xuất với những nội dung mà HĐQT thấy cần thiết trong quá trình thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT, yêu cầu đó phải được gửi tới BKS bằng văn bản trong đó thể hiện rõ nội dung, đối tượng kiểm soát, thời gian hoàn thành và gửi báo cáo tới HĐQT.

5. Trong quá trình kiểm soát, HĐQT có thể tham gia cùng BKS để nắm tình hình và có chỉ đạo kịp thời. Khi tham gia với đoàn kiểm soát, các thành viên HĐQT có thể có ý kiến để giúp cho kết quả kiểm soát được chính xác, phản ánh đúng bản chất của sự việc, tạo điều kiện KSV đưa ra những đánh giá, nhận định cuối cùng sát với thực tiễn.

6. Các KSV do Trưởng BKS cử có thể phối hợp tham gia với các đoàn công tác, kiểm tra, giám sát do HĐQT tổ chức hoặc thành lập. Các ý kiến của KSV khi tham gia các đoàn này phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, qui định của TCT và Quy chế này, đồng thời chịu trách nhiệm trước những ý kiến đánh giá nhận định trong quá trình tham gia đó.

7. Khi nhận được kết quả kiểm tra giám sát của BKS, HĐQT phải xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý bằng văn bản, văn bản này được gửi thông báo cho TGD hoặc các đối tượng liên quan để thực hiện. BKS giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.

8. Các Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của TCT, báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT chuẩn bị trình lên ĐHĐCĐ tại các cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban Kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 15 (mười lăm) ngày làm việc để thẩm định. HĐQT đảm bảo rằng BKS có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thẩm định các báo cáo này.

9. BKS tham khảo ý kiến của HĐQT về các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm soát, kiến nghị của BKS trước khi phát hành chính thức.

10. HĐQT có quyền bảo lưu quan điểm và chính kiến khi không thống nhất với những nhận định của BKS. Đồng thời thông báo cho BKS những quan điểm, ý kiến bảo lưu đó bằng văn bản để BKS biết và báo cáo ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

1. BKS có mối quan hệ độc lập với ban điều hành TCT. TGD và/hoặc người được ủy quyền chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. TGD và/hoặc người được ủy quyền chỉ đạo các đơn vị, bộ phận và cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm soát trong TCT cung cấp đầy đủ, kịp thời các số liệu, tài liệu, thông tin phục vụ hoạt động kiểm tra, kiểm soát và giải trình các vấn đề theo yêu cầu của công tác kiểm soát.

3. Tạo điều kiện bố trí đầy đủ phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của BKS. Cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu kiểm soát tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm soát khi được yêu cầu.

4. Định kỳ hàng tháng, quý, hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT, ĐHĐCĐ, TGD gửi Báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch và kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được duyệt thì đồng thời chuyển cho BKS một bản để làm cơ sở kiểm soát hoạt động.

5. TGD có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận, đối tượng có liên quan thực hiện những kiến nghị của BKS hoặc báo cáo với HĐQT những điểm không thống nhất với các kiến nghị của BKS. Có trách nhiệm thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đồng thời thông báo cho BKS biết những ý kiến chỉ đạo này bằng văn bản.

6. Thông báo kịp thời cho BKS khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

7. TGD có quyền bảo lưu quan điểm và chính kiến khi không thống nhất với những nhận định của BKS. Đồng thời thông báo cho BKS những quan điểm, ý kiến bảo lưu đó bằng văn bản để BKS biết và báo cáo ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

Điều 23. Mối quan hệ với Đơn vị trực thuộc, người đại diện của TCT cử tại các Công ty con, Công ty liên kết

1. Trưởng các phòng/ban, Đơn vị trực thuộc của TCT, người đại diện của TCT cử tại các Công ty con, Công ty liên kết phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của BKS và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp; Thực hiện các kiến nghị của BKS trong các báo cáo của BKS theo chỉ đạo của HĐQT và TGD; cung cấp thông tin phản hồi cho BKS về việc thực hiện kiến nghị của BKS theo qui định.

2. Cử cán bộ có đủ năng lực phù hợp với yêu cầu của BKS khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát do BKS chủ trì.

3. Ban kiểm soát có quyền sử dụng lại kết quả từ các báo cáo, biên bản, kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát do các Ban chức năng, đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ... của TCT thực hiện đồng thời có trách nhiệm bảo mật các số liệu, tài liệu theo qui định pháp luật.

4. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc của TCT, người đại diện của TCT tại các công ty con có quyền bảo lưu quan điểm và chính kiến khi không thống nhất với những đánh giá, kiến nghị của BKS. Thực hiện các kiến nghị của BKS theo đúng chỉ đạo của HĐQT, TGD và gửi báo cáo bằng văn bản về BKS theo dõi tình hình thực hiện.

Điều 24. Khen thưởng, kỷ luật

Các KSV có thành tích trong công tác kiểm tra, giám sát kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước và TCT.

Các Kiểm soát viên vi phạm các qui định của pháp luật trong công tác kiểm soát và các hoạt động có liên quan, hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của TCT bị xử lý theo qui định của pháp luật tùy theo mức độ sai phạm.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của BKS Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần bao gồm ... chương, ... điều được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm ... có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...